



4. Kế toán khấu hao TSCĐ

- **Hao mòn TSCĐ:** sự giảm dần giá trị của TSCĐ do tham gia kinh doanh, bào mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật

4.1 Phương pháp trích khấu hao

Hiện nay có 3 phương pháp trích khấu hao TSCĐ:

- **Khấu hao theo đường thẳng**
- **Khấu hao theo số lượng sản phẩm**
- **Khấu hao theo số dư giảm dần**

Khấu hao đường thẳng

- Để xác định mức khấu hao hàng tháng cho 1 TSCĐ tăng hoặc giảm thì công thức xác định như sau:

$$\text{Mức KH hàng tháng} = \frac{\text{NG TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng} * 12}$$

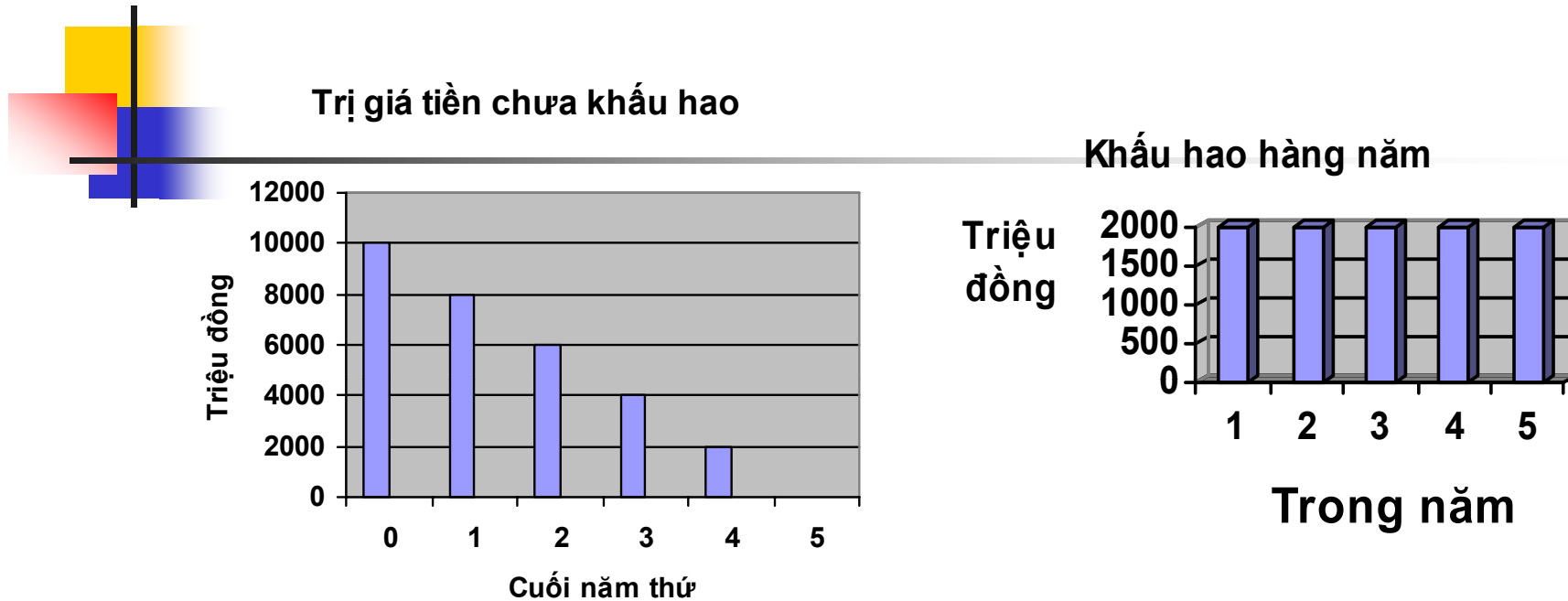
- Khấu hao năm = khấu hao tháng * 12



Khấu hao đường thẳng

- **Ví dụ:** Khấu hao một tài sản nhà xưởng có nguyên giá là 10 triệu đồng, không có giá trị còn lại, và có thời gian hữu ích là 5 năm, có thể có đồ thị như sau:

Khấu hao đường thẳng (tt)



- Đường chỉ chi phí khấu hao có dạng hàm số theo thời gian là một đường thẳng/đường cong.
- Lưu ý: Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện từ ngày (theo số ngày của tháng) mà tài sản cố định tăng, giảm, hoặc ngừng tham gia vào hoạt động kinh doanh.

4.2. Tài khoản sử dụng

- **214: hao mòn TSCĐ;**

Chi tiết: -

- **2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình**
- **2142: Hao mòn TSCĐ đi thuê *tài chính***
- **2143: Hao mòn TSCĐ vô hình**

3. Nguyên tắc ghi chép

TK 214

- Hao mòn
TSCĐ do giảm
TSCĐ...

- Hao mòn TSCĐ
tăng do trích KH ...
- SD: hao mòn
TSCĐ hiện có ở DN

- **Lưu ý:** $SD\ TK211(213) - SD\ TK214 = GT\ còn\ lại$
(NG hiện có) (GT hao mòn hiện có)
- **Chỉ tiêu hao mòn TSCĐ làm giảm giá trị TSCĐ nên khi lên BCĐKT được ghi bên TS & ghi số âm**

4. Trình tự hạch toán

Hàng tháng khi tiến hành trích khấu hao TSCĐ để tính vào chi phí SXKD, kế toán ghi:

- **Nợ 627 "Chi phí SXC" – KH dùng cho PXSX**
- **Nợ 641 "Chi phí BH" – KH dùng cho bán hàng**
- **Nợ 642 "Chi phí QLDN" – KH dùng cho QLDN**
 - **Có 214 "Hao mòn TSCĐ" – Số KH phải trích**



Ví dụ 5

Lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế sau:

Khấu hao TSCĐ phải trích trong tháng là 3.000.000đ, phân bổ cho các đối tượng:

- **Phân xưởng sản xuất chính: 1.700.000**
- **Phân xưởng sản xuất phụ: 300.000**
- **Hoạt động bán hàng: 700.000**
- **Quản lý doanh nghiệp: 300.000**

Ví dụ 6

Tại một doanh nghiệp có tài liệu sau:

- 1. Bán TSCĐ chưa thu tiền, có nguyên giá là 24 triệu, đã khấu hao 4 triệu, giá nhượng bán là 16 triệu, VAT 10%**
- 2. Thanh lý 1 TSCĐ có NG là 20 triệu, đã khấu hao đầy đủ, chi phí thanh lý bao gồm:**
 - Tiền lương phải trả cho công nhân: 100.000đ
 - Khoản chi khác được trả bằng TGNH: 200.000đ
 - Kết quả thanh lý thu được phế liệu nhập kho trị giá: 300.000đ
- 3. Nhượng bán một TSCĐ có nguyên giá 40 triệu, đã khấu hao 10 triệu. Giá nhượng bán TSCĐ này là 34 triệu, VAT 10% và thu bằng TGNH. Chi phí phục vụ cho việc nhượng bán được chi trả bằng tiền mặt là 600.000đ.**
 - **Yêu cầu: Lập định khoản**